

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/DS-PT

Ngày 19-12-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Nam

Các Thẩm phán:

Ông Lưu Anh Tuấn

Ông Võ Đình Sớm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2022/TLPT-DS về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Th; địa chỉ: 02 Nay Dr, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).*

2. *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N; địa chỉ: Thôn Pleiku R, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).*

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn: Anh Vũ Thành Tr; địa chỉ: Thôn Pleiku R, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai (*theo hợp đồng ủy quyền được công chứng ngày 11/3/2022*).

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn là chị Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Phạm Thị Th trình bày:

Chị và chị N là bạn thân nên cũng hay giúp đỡ nhau khi cần; chiều ngày 24-9-2020, chị cho chị N vay 3.600.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng cho tài sản đang thế chấp là nhà và đất tại 63 Lê Hồng Phong của bà Trịnh Thị Thúy; chị N hẹn 10 ngày sẽ trả, nên chị đã cho chị N vay 3.600.000.000 đồng, đưa trực tiếp bằng tiền mặt. Do tin tưởng nhau nên khi chị đưa tiền cho chị N thì không yêu cầu chị N viết giấy tờ gì, sau đó chị có nói với chị N nhấn cho một tin nhắn để xác nhận số tiền và nhớ ngày vay để tính lãi, nên chị N nhận tiền xong về nhà đã nhấn tin ngay vào chiều ngày 24-9-2020, tin nhắn có nội dung “Ngày 24-9-

2020 Nương mượn Thu 3 tỷ 6 trăm triệu đồng”. Chị đã lập vi bằng để cung cấp chứng cứ này cho Tòa án.

Tại đơn khởi kiện chị trình bày chị N đã trả tổng nợ gốc và lãi được 1.780.000.000 đồng, trong đó trả nợ gốc 1.000.000.000 đồng và 780.000.000 đồng trả nợ lãi. Đã quá hạn trả nợ rất lâu nhưng chị N không tiếp tục trả nợ nữa, mặc dù chị đã đòi nhiều lần, chị yêu cầu chị N và anh Tr (chồng chị N) phải trả nợ gốc là 2.600.000.000 đồng và tiền lãi 13.200.000 đồng, nhưng do không có chứng cứ chứng minh chị N trả 780.000.000 đồng là tiền lãi, nên chị đồng ý số tiền này là chị N trả nợ gốc, chị yêu cầu chị N trả 1.820.000.000 đồng còn lại, không yêu cầu tính lãi và cũng không yêu cầu anh Tr phải liên đới trả khoản nợ này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị xác nhận chị N đã trả thông qua hình thức chuyển khoản tổng số tiền là 1.782.300.000 đồng, đối với 200.000.000 đồng mà chị N cho rằng trả cho chị bằng tiền mặt vào ngày 5-10-2020 thì chị không đồng ý, yêu cầu chị N cung cấp chứng cứ chứng minh.

Nay chị yêu cầu chị N phải trả 1.817.700.000 đồng nợ gốc; chị không yêu cầu chị N phải trả lãi của 1.817.700.000 đồng này.

Bị đơn là chị Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N và người đại diện theo ủy quyền là anh Vũ Thành Tr trình bày:

Vào chiều ngày 24-9-2020, chị N có nhận của chị Th 3.600.000.000 đồng, nhận bằng tiền mặt do chị Th đưa trực tiếp, nhưng số tiền này không phải là tiền vay mà là tiền góp vốn làm ăn chung để đáo hạn ngân hàng, cụ thể đáo hạn vay ngân hàng cho tài sản đang thế chấp là nhà và đất số 63 Lê Hồng Phong của bà Trịnh Thị Thúy. Cụ thể góp vốn như sau: Chị Th góp 3.600.000.000 đồng. Bà Trịnh Thị Bình góp 1.000.000.000 đồng, còn chị N góp 7.900.000.000 đồng. Do bạn bè làm ăn chung với nhau, tin tưởng nhau nên việc góp vốn làm ăn chung chỉ thỏa thuận bằng lời nói.

Chị N đã chuyển trả cho chị Th 1.980.000.000 đồng, thông qua 7 lần chuyển khoản số tiền là 1.780.000.000 đồng và 1 lần chị N trả trực tiếp bằng tiền mặt 200.000.000 đồng ngày 5-10-2020. Chị N công nhận đã nhắn tin cho Chị Th vào chiều ngày 24 tháng 9 năm 2020 với nội dung “ngày 24/9 Nương mượn Thu 3 tỷ 6 trăm triệu đồng”. Chị N cho rằng góp vốn làm ăn chung nhưng là bạn bè làm ăn chung với nhau nên chị N nhắn tin cho Chị Th với nội dung mượn tiền nêu trên để làm tin là xác nhận với nhau việc chị N có nhận của chị Th 3.600.000.000 đồng. Vì hợp tác làm ăn chung nên khi giao dịch liên quan đến ngôi nhà và đất số 63 Lê Hồng Phong của bà Thúy thì đều có mặt chị Th cụ thể: Vào ngày 5-11-2021 tại Văn phòng thừa phát lại Pleiku có buổi làm việc giao tiền mua nhà và đất số 63 Lê Hồng Phong, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai của bà Trịnh Thúy có mặt chị Th (anh Tr đã cung cấp hình ảnh cho Tòa).

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Tr thay đổi lời khai là chị N đã trả cho chị Th số tiền tổng cộng là 1.982.300.000 đồng, trong đó chuyển khoản số tiền là 1.782.300.000 đồng và trả 200.000.000 đồng bằng tiền mặt. Nay chị Th yêu cầu chị N phải trả 1.817.700.000 đồng tiền nợ gốc, chị N không đồng ý, do hợp tác

làm ăn chung với nhau chưa xử lý và tính toán được, đến khi nào xử lý xong căn nhà số 63 Lê Hồng Phong thì sẽ tính toán lời, lỗ và chia đều theo tỷ lệ vốn góp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Áp dụng Điều 274; Điều 275; Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 465 và Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Th; buộc chị Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N phải cho chị Phạm Thị Th 1.817.700.000 đồng nợ gốc.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán; quyết định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm; thông báo quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 9-8-2022, chị Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
- Phía bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn là chị Phạm Thị Th khởi kiện và trình bày, ngày 24-9-2020, nguyên đơn cho bị đơn là chị Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N vay 3.600.000.000 đồng, giao dịch giữa hai bên không lập thành văn bản, nhưng nguyên đơn có yêu cầu bị đơn nhắn tin vào điện thoại của mình liên quan đến giao dịch vay tiền trên, cùng ngày bị đơn đã nhắn tin cho nguyên đơn như nguyên đơn yêu cầu, tin nhắn có nội dung “*Ngày 24-9-2020 Nương mượn Thu 3 tỷ 6 trăm triệu đồng*”; nguyên đơn đã lập vi bằng sự việc này và giao nộp cho Tòa án để chứng minh; từ khi vay đến nay bị đơn chỉ mới thanh toán 1.782.300.000 đồng nợ gốc; vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 1.817.700.000 đồng nợ gốc và không yêu cầu bị đơn phải trả lãi của 1.817.700.000 đồng này.

Tham gia tố tụng, bị đơn thừa nhận ngày 24-9-2020 có nhận của nguyên đơn 3.600.000.000 đồng, nên căn cứ quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Mặc dù thừa nhận có nhận của nguyên đơn 3.600.000.000 đồng, nhưng bị đơn cho rằng khoản tiền này không phải là tiền vay mà là tiền góp vốn làm ăn

chung để đảm bảo hạn ngân hàng cho tài sản đang thế chấp là nhà và đất tại số 63 Lê Hồng Phong của bà Trịnh Thị Thúy; cụ thể nguyên đơn góp 3.600.000.000 đồng. Bà Trịnh Thị Bình góp 1.000.000.000 đồng, bị đơn góp 7.900.000.000 đồng; do hợp tác làm ăn chung với nhau chưa xử lý và tính toán được, đến khi nào xử lý xong căn nhà số 63 Lê Hồng Phong thì sẽ tính toán lời, lỗ và chia đều theo tỷ lệ vốn góp; đồng thời sau khi nhận tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn 1.983.200.000 đồng, thông qua 7 lần chuyển khoản (chuyển 1.782.300.000 đồng) và trả 200.000.000 đồng bằng tiền vào ngày 5-10-2020;

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, lời khai trên của bị đơn là không có cơ sở; bởi lẽ:

- Tuy cho rằng 3.600.000.000 đồng mà mình nhận của nguyên đơn ngày 24-9-2020 là tiền góp vốn làm ăn chung để đảm bảo hạn ngân hàng cho bà Trịnh Thị Thúy, nhưng đây chỉ là lời khai một phía của bị đơn và không được nguyên đơn thừa nhận; bị đơn cũng không xuất trình được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho sự việc đó là có thật.

Hơn nữa, tại Biên bản đối chất do Tòa án cấp sơ thẩm lập ngày 11-5-2022, bà Trịnh Thị Bình (*người mà bị đơn cho là cùng góp vốn để đảm bảo hạn ngân hàng cho bà Trịnh Thị Thúy*) cũng không thừa nhận bà có góp vốn với nguyên đơn và bị đơn để đảm bảo hạn ngân hàng cho nhà, đất tại 63 Lê Hồng Phong, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Mặt khác, với việc cho rằng đã trả cho nguyên đơn 1.782.300.000 đồng thông qua 7 lần chuyển khoản và 200.000.000 đồng tiền mặt để thanh toán cho một phần khoản tiền 3.600.000.000 đồng mà bị đơn đã nhận của nguyên đơn ngày 24-9-2020, thì chứng tỏ giữa các bên không có thỏa thuận về góp vốn làm ăn chung, vì giả sử việc góp vốn là có thật thì việc trả lại khoản vốn góp và lợi nhuận (nếu có) phải tính theo tỷ lệ vốn góp của các bên như bị đơn đã trình bày, chứ không thể trả trước khi công việc hợp tác chưa hoàn thành (*chuyển khoản lần đầu ngày 1-10-2020 và lần cuối cùng vào ngày 31-12-2020, trong khi tại đơn kháng cáo bị đơn khai đến ngày 31-12-2020 mới thế chấp lại nhà 63 Lê Hồng Phong để vay 10.5 tỷ đồng*); đồng thời khoản tiền bị chia nhỏ thành nhiều lần cũng không phù hợp với việc thanh toán vốn góp và phân chia lợi nhuận khi hợp tác làm ăn chung.

- Về khoản tiền 200.000.000 đồng bị đơn cho rằng đã trả bằng tiền mặt cho nguyên đơn vào ngày 5-10-2020, bị đơn cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã giao khoản tiền này cho nguyên đơn; nguyên đơn cũng không thừa nhận lời khai này của bị đơn, nên không có căn cứ để xác định lời khai của bị đơn là đúng sự thật.

Như vậy, nguyên đơn khởi kiện và xuất trình được chứng cứ chứng minh bị đơn phải trả 1.817.700.000 đồng nợ gốc còn lại của khoản vay 3.600.000.000 đồng; bị đơn chỉ xuất trình được chứng cứ chứng minh mới trả 1.782.300.000 đồng cho nguyên đơn, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 1.817.700.000 đồng nợ gốc là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Các phân tích nêu trên cho thấy, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm:

Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm bị kháng cáo, nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 148, 227, 228, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là chị Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã xét xử vụ án về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn là chị Phạm Thị Th với bị đơn là chị Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N.

Áp dụng Điều 274; Điều 275; Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 465 và Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Th; buộc chị Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N phải trả cho chị Phạm Thị Th 1.817.700.000 đồng;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Phạm Thị Th cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, chị Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Buộc chị Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N phải chịu 66.531.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Phạm Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Phạm Thị Th 45.198.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006065 ngày 09 tháng 2 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc chị Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0002095 ngày 3 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; chị Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

